



Mô tả sản phẩm

MASTER MHN-LA

Đèn halogen kim loại thạch anh nhỏ gọn với hai tim đèn

Lợi ích

- Hệ thống đèn nhỏ gọn và hiệu quả với đặc tính quang học chính xác điều khiển chùm sáng tốt và giảm thiểu tràn sáng
- Khả năng hoàn màu tốt, tạo bầu không khí thoải mái, dễ chịu về thị giác cho cả vận động viên và khán giả
- Quang phổ phân phối liên tục, là một lựa chọn đáng giá cho chiếu sáng sân vận động bán chuyên nghiệp và sân chuyên nghiệp thường xuyên lên sóng truyền hình

Tính năng

- Nguồn sáng có thiết kế gọn ghẽ (Ống hồ quang dài) cho hiệu suất chiếu sáng cao
- Thiết kế hai tim đèn cho tuổi thọ cao
- Ánh sáng trắng tự nhiên, độ hoàn màu cao và độ ổn định màu tốt
- Nhiệt độ màu tương đương ánh sáng ban ngày, đảm bảo sự chuyển tiếp liền mạch từ ánh sáng ban ngày sang ánh sáng nhân tạo

Ứng dụng

- Chiếu sáng thể thao chuyên nghiệp, bán chuyên nghiệp và chiếu sáng sân bãi

Cảnh báo và An toàn

- Chỉ sử dụng với những bộ đèn kín hoàn toàn, ngay cả trong quá trình thử nghiệm (IEC61167, IEC 62035, IEC60598)
- Bộ đèn phải có khả năng giữ lại mảnh vỡ nóng khi bóng đèn bị vỡ
- Khả năng bóng đèn vỡ gây ảnh hưởng đến sức khỏe người dùng là gần như không thể. Nếu bóng đèn bị vỡ, hãy thông gió cho phòng trong 30 phút và tháo các bộ phận ra, tốt hơn là nên đeo găng tay. Đặt các bộ phận vào một túi nhựa kín và mang đến các cơ sở xử lý chất thải địa phương để tái chế. Không sử dụng máy hút bụi.

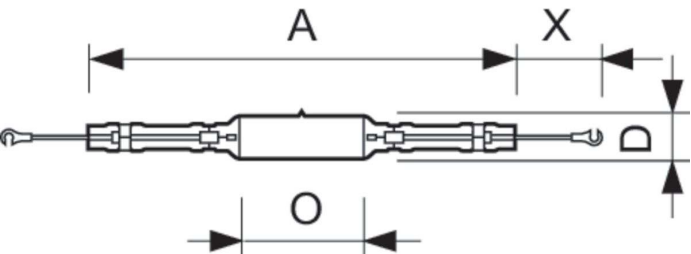
MASTER MHN-LA

Phiên bản



LPPR MHN-LA 1000W

Bản vẽ kích thước



Product	D (max)	O	X	A
MASTER MHN-LA 1000W/956 230V XWH	40 mm	40,5 mm	35 mm	286 mm
MASTER MHN-LA 2000W/842 400V XWH	40 mm	108 mm	58 mm	353 mm
MASTER MHN-LA 2000W/956 400V XWH	40 mm	108 mm	58 mm	353 mm

Thông tin chung	
Đế dui đèn	X528
Vị trí vận hành	P5
Điều khiển và điều chỉnh độ sáng	
Có thể điều chỉnh độ sáng	Không
Cơ khí và vỏ đèn	
Lớp hoàn thiện bóng đèn	Trong suốt
Hình dạng bóng đèn	TD40

Thông tin kỹ thuật về đèn

Order Code	Full Product Name	Tọa độ màu X (Danh định)	Tọa độ màu Y (Danh định)	Ký hiệu màu sắc	Nhiệt độ màu tương quan (Danh định)	Chỉ số hoàn màu (CRI)	Quang hiệu (định mức) (Danh định)
928071305130	MASTER MHN-LA 2000W/842 400V XWH	370	370	Trắng mát (CW)	4200 K	72	104 lm/W
928072505130	MASTER MHN-LA 2000W/956 400V XWH	330	339	Ánh sáng ban ngày	5600 K	82	93 lm/W
928072205130	MASTER MHN-LA 1000W/956 230V XWH	337	331	Ánh sáng ban ngày	5600 K	80	86,0 lm/W

Vận hành và điện

MASTER MHN-LA

Order Code	Full Product Name	Điện áp (Danh định)	Mức tiêu thụ điện
928071305130	MASTER MHN-LA 2000W/842 400V XWH	235 V	2.050 W
928072505130	MASTER MHN-LA 2000W/956 400V XWH	225 V	2.050 W

Order Code	Full Product Name	Điện áp (Danh định)	Mức tiêu thụ điện
928072205130	MASTER MHN-LA 1000W/956 230V XWH	125 V	1.040,0 W

Phê duyệt và ứng dụng

Order Code	Full Product Name	Mức tiêu thụ năng lượng kWh/1000 h	Hàm lượng thủy ngân (Hg) (Danh định)
928071305130	MASTER MHN-LA 2000W/842 400V XWH	2.244 kWh	194 mg
928072505130	MASTER MHN-LA 2000W/956 400V XWH	2.244 kWh	140 mg

Order Code	Full Product Name	Mức tiêu thụ năng lượng kWh/1000 h	Hàm lượng thủy ngân (Hg) (Danh định)
928072205130	MASTER MHN-LA 1000W/956 230V XWH	1.144 kWh	95 mg

